

Bản án số: 170/2024/HS-ST

Ngày 29 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tòng Văn Hưng

Ông Lò Văn Chương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Đoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 152/2024/HSST, ngày 22 tháng 5 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2024/QĐXXST-HS, ngày 20 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2024/HSST-QĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo.

Họ và tên: Vi Văn B (Tên gọi khác: Không có) - Sinh năm: 1997; Nơi sinh: Tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKTT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: **Làm ruộng**; Trình độ học vấn: 09/12 phổ thông; Dân tộc: **Thái**; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn X1 và bà Vi Thị B1; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: Không;

Tiền sự: 02 tiền sự (Ngày 16/8/2019 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng (theo Quyết định số 36/2019/QĐ-TA); Ngày 15/11/2020, bị cáo chấp hành xong quyết định. Ngày 07/10/2021 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, thời hạn 20 tháng (theo Quyết định số 10/2021/QĐ-TA); Ngày 08/5/2023, bị cáo chấp hành xong quyết định. Tính đến ngày 28/02/2024 (ngày thực hiện hành vi trộm cắp) bị cáo chưa được xóa tiền sự).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/3/2024 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Lò Văn Trung, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. **Vắng mặt.**

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lò Thị X2, sinh năm: 1984; Nơi ĐKTT: Bản Lún, xã Noong Luông, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở hiện nay: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. **Vắng mặt.**

+ Bà Hà Thị H, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. **Vắng mặt.**

+ Ông Nguyễn Tiến Dân, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. **Vắng mặt.**

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tiến Dân: Bà Hà Thị H, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. **Vắng mặt.**

+ Ông Lò Văn S1, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Bản Co Cáng, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Hiện đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính cai nghiện bắt buộc tại: Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Điện Biên; địa chỉ: Thôn C1, xã Thanh Luông, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. **Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 28/02/2024 Vì Văn B đi bộ một mình từ nhà tại Bản N, xã M, huyện Đ đến Bản N, xã N, huyện Đ chơi. Khi đi đến quán sửa chữa xe máy của ông Lò Văn Trung, ở Bản N, xã N, huyện Đ, thấy quán đóng cửa, trước quán có dựng hai chiếc xe mô tô. Biên quan sát thấy không có người trông coi, liền nảy sinh ý định trộm cắp xe. Biên nhìn thấy chiếc xe mô tô Honda Wave RSX, màu xanh đen, biển kiểm soát 27B1 - 726.41 trị giá 8.400.000 đồng, của bà Lò Thị X2, trú tại Bản N, xã N, huyện Đ, để ở quán sửa xe của nhà ông Trung (trước đó bà X2 có giao xe cho ông Lò Văn Trung quản lý để sửa xe). Biên thấy trên xe vẫn cắm chìa khoá, liền đi đến mở khoá điện, nổ máy điều khiển xe về khu vực bản Huổi Chanh, xã Na Tông, huyện Đ. Sau đó, Biên mở cốp xe kiểm tra thấy có giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 27B1 - 726.41 mang tên Lò Thị X2, Biên cất vào túi quần rồi điều khiển xe về nhà ở Bản N, xã M, huyện Đ.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, Biên điều khiển chiếc xe trộm cắp đến nhà bạn là ông Lò Văn S1, ở bản Co Cáng, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên rủ ông Sơn đi cùng cầm cố xe. Ông Sơn hỏi Biên xe của ai, Biên nói xe của nhà, nên ông Sơn đồng ý đi cùng Biên đến quán mua bán xe máy cũ H Dân ở phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Tại đây, bị cáo và ông Sơn gặp vợ chồng ông Nguyễn Tiến Dân và bà Hà Thị H đặt vấn đề cầm cố chiếc xe với số tiền 5.000.000 đồng. Biên đưa cho ông Dân, bà H giấy đăng ký xe, còn ông Sơn đưa bản photo căn cước công dân của Sơn (vì Chứng minh nhân dân của Biên bị mờ). Ông Dân, bà H không biết xe do Biên trộm cắp nên đồng ý cho cầm cố,

rồi đưa cho Biên 5.000.000 đồng. Số tiền bị cáo cầm cố xe có được, bị cáo sử dụng đi mua ma túy rồi cùng ông Sơn sử dụng và chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng 16 giờ ngày 29/02/2024, Biên nói với ông Sơn đi cùng đến quán H Dân để lấy thêm tiền, ông Sơn đồng ý và cùng Biên đến quán gặp ông Dân và bà H. Biên nói cho em cầm chiếc xe hôm qua thêm một triệu, ông Dân không đồng ý, thì Biên bảo bán chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 27B1-726.41 để lấy thêm 2.800.000 đồng, ông Dân và bà H đồng ý rồi làm Hợp đồng mua xe máy cũ khác và cho Biên và Sơn ký vào rồi đưa cho Biên 2.800.000 đồng. Số tiền bị cáo bán xe có được, bị cáo sử dụng đi mua ma túy rồi cùng ông Sơn sử dụng và chi tiêu cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-ĐGTS ngày 05/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu đen xanh, mang biển kiểm soát 27B1-726.41 giá trị còn lại là 8.400.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá của Hội đồng định giá.

Tại Bản cáo trạng số: 98/CT-VKSHĐB ngày 22/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên truy tố Vì Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn Trung trình bày: Chiếc xe biển kiểm soát 27B1-726.41 đã trả lại cho chủ sở hữu là bà X2 nên ông Trung không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Lò Thị X2 trình bày: Bà X2 đã nhận lại chiếc xe, không yêu cầu Tòa án giải quyết về bồi thường thiệt hại.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn S1 trình bày: Khi cùng bị cáo Biên đi cầm cố xe máy, ông Sơn không biết chiếc xe biển kiểm soát 27B1-726.41 là do bị cáo Biên trộm cắp mà có. Số tiền bán xe bị cáo Biên là người trực tiếp nhận và chi tiêu, ông Sơn chỉ đi cùng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến Dân, bà Hà Thị H (do bà Hà Thị H là người đại diện cho ông Dân) trình bày: Khoảng 16 giờ ngày 28/02/2024, khi bà H và ông Dân ở quán của gia đình thuộc phường N, thành phố Đ thì có bị cáo Biên và ông Sơn đến cầm cố chiếc xe máy Honda, loại xe Wave RSX, màu đen xanh, mang biển kiểm soát 27B1-726.41 kèm đăng ký xe, với giá 5.000.000 đồng nhưng viết giấy là mua bán xe. Khoảng 16 giờ ngày 29/02/2024 bị cáo Biên và ông Sơn quay lại và bán chiếc xe, bà H và ông Dân phải trả thêm cho bị cáo Biên 2.800.000 đồng. Hai bên nhất trí và viết lại giấy mua bán chiếc xe. Khi bà H và ông Dân nhận cầm cố xe, ông bà không biết đó là xe trộm cắp mà có, vì Biên bảo là xe của gia đình. Nay bà H, ông Dân yêu cầu bị cáo Biên phải trả cho ông bà số tiền là 7.800.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vì Văn B từ 12 đến 15 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản có giá trị nên không có khả năng thi hành án, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho ông Nguyễn Tiến Dân và bà Hà Thị H số tiền 7.800.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 390.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát, không có tranh luận gì với lời luận tội của Viện kiểm sát và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án phù hợp với nhau, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, kết luận định giá, Biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản nhận dạng, phù hợp với vật chứng thu được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Khoảng trưa ngày 28/02/2024, tại khu vực Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Vì Văn B đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô Honda Wave RSX màu xanh đen, biển kiểm soát 27B1-726.41 trị giá 8.400.000 đồng do anh Lò Văn Trung chủ quán sửa xe quản lý. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[2] Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, do lười lao động nhưng muốn có tiền để chi tiêu mà bị cáo đã cố ý phạm tội, hành vi trộm cắp của bị cáo là **nguy hiểm cho xã hội**, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của cá nhân, đồng thời còn ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo đã hai lần bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính, bị cáo chưa được xóa tiền sự nên là người có nhân thân xấu.

[6] Từ sự phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên đã truy tố, kết luận bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vì Văn B từ 12 tháng đến 15 tháng tù là có căn cứ đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, tuy nhiên xét bị cáo làm ruộng, thu nhập không ổn định, không có tài sản có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[10] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 chiếc xe mô tô Honda Wave RSX màu xanh đen, biển kiểm soát 27B1-726.41 là tài sản của bà Lò Thị X2, bà X2 giao cho ông Lò Văn Trung quản lý. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho chủ sở hữu là bà Lò Thị X2 là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Tiến Dân và bà Hà Thị H yêu cầu bị cáo Biên có nghĩa vụ trả cho ông, bà số tiền 7.800.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của ông Dân và bà H nhưng chưa bồi thường. Nhận thấy ông Dân và bà H là người mua chiếc xe biển kiểm soát 27B1-726.41 của bị cáo với số tiền 7.800.000 đồng. Khi mua xe ông Dân và bà H không biết chiếc xe là do bị cáo trộm cắp mà có. Ông Dân và bà H đã giao nộp chiếc xe cho cơ quan Công an. Xét thấy yêu cầu của ông Dân và bà H là có căn cứ chấp nhận.

[12] Về các vấn đề khác: Ông Lò Văn S1, ông Nguyễn Tiến Dân và bà Hà Thị H không biết xe mô tô Biên cầm cố rồi bán là do trộm cắp mà có nên không đặt vấn đề xử lý.

[13] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và

điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 390.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Vì Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Vì Văn B 01(một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 06/3/2024).

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vì Văn B phải trả cho ông Nguyễn Tiến Dân và bà Hà Thị H số tiền 7.800.000 đồng (bảy triệu tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 390.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/7/2024).

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND **huyện Đ**;
- CA **huyện Đ**;
- Nhà Tạm giữ Công an **Thuyện Đ**;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS **huyện Đ**;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu: KT, VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng

